



CHỐNG CHUYỂN GIÁ CỦA CÁC CÔNG TY XUYÊN QUỐC GIA VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PHẠM THỊ TƯỜNG VÂN

Trên thế giới, các công ty xuyên quốc gia nhận ra tầm quan trọng của việc chuyển giá quốc tế như là một yếu tố trong việc lập kế hoạch cho chiến lược kinh doanh và ra quyết định của công ty. Họ nhận thấy chiến lược chuyển giá có thể tiết kiệm đáng kể các khoản thuế bên cạnh việc nâng cao hiệu suất hoạt động và cải thiện dòng tiền. Đây là hoạt động đang phát triển nhanh chóng và ngày càng phức tạp giữa các công ty giao dịch qua biên giới. Bài viết nghiên cứu thực trạng hoạt động chuyển giá của các công ty xuyên quốc gia và đề xuất một số giải pháp cho Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: chuyển giá, giao dịch qua biên giới, lợi nhuận trước thuế, ưu đãi tài chính

FIGHT AGAINST TRANSFER PRICING OF TRANSNATIONAL COMPANIES AND SOLUTIONS FOR VIETNAM

Pham Thi Tuong Van

The trans-national companies regard the importance of international transfer pricing as an element in making their strategic plans and business decisions. They recognize that transfer pricing may save substantial tax amount in addition to improving their performance and cash flows. This is an emerging trend with complicated manner between companies which have cross-border transactions. The paper examines the transfer pricing activities of trans-national companies and recommends solutions to Vietnam.

Keywords: Transfer pricing, cross-border transaction, profit before tax, financial preference

Ngày nhận bài: 4/4/2019

Ngày hoàn thiện biên tập: 25/4/2019

Ngày duyệt đăng: 6/5/2019

Thực trạng chuyển giá của các công ty xuyên quốc gia tại Việt Nam

Với chủ trương mở cửa hội nhập khuyến khích, thu hút vốn đầu tư, trong những năm qua, lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào Việt Nam ngày càng tăng, đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Đóng góp của FDI vào tăng trưởng ngày càng cao trong cấu trúc tăng

trưởng theo thành phần kinh tế, tăng từ mức 15,3% năm 2011 lên tới 18,5% năm 2017; khu vực FDI chiếm 23,4% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và khoảng 45% sản lượng công nghiệp. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, khu vực FDI hiện chưa tạo được sức lan tỏa, mức độ động viên vào ngân sách nhà nước còn thấp, kèm theo đó là các doanh nghiệp (DN) FDI luôn báo lỗ và có dấu hiệu lạm dụng chính sách giá chuyển giao nội bộ để chuyển giá quốc tế.

Theo Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động của DN FDI và chính sách ưu đãi tài chính của Bộ Tài chính từ 2012-2017 cho thấy, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của DN FDI duy trì tăng trưởng ở mức cao, tốc độ tăng doanh thu cao hơn tốc độ tăng tài sản (22%) và tốc độ tăng của vốn đầu tư của chủ sở hữu (14%). Lợi nhuận trước thuế năm 2017 của các DN FDI có báo cáo đạt 344.607,5 tỷ đồng, tăng 19,2% so với năm 2016. Một số ngành có sự gia tăng lợi nhuận trước thuế cả về số tuyệt đối và số tương đối, bao gồm: Hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 193,3%; Khai thác, chế biến khoáng sản tăng 146,3%; Linh kiện điện tử, máy vi tính và thiết bị điện tử tăng 40,3%...

Trong 16.718 DN FDI có báo cáo năm 2017, có 8.646 DN kê khai lỗ (chiếm 52% DN) với trị giá lỗ là 86.180 tỷ đồng, có 10.582 DN lỗ lũy kế (chiếm 63%) với trị giá lỗ lũy kế là 397.996 tỷ đồng và có 2.673 DN lỗ mất vốn (chiếm 16% DN) với trị giá vốn chủ sở hữu là âm (-) 85.604 tỷ đồng. Trong 2.673 DN lỗ mất vốn năm 2017 có đến 1.590 DN lỗ mất vốn nhưng vẫn mở rộng sản xuất kinh doanh.

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận trước thuế của DN FDI tăng đều qua các năm, nhưng tỷ lệ DN báo



lỗ, lỗ lũy kế và lỗ mất vốn qua các năm tăng cao và chưa có dấu hiệu giảm. Số liệu phân tích báo cáo tài chính DN FDI giai đoạn 2012-2017 cho thấy, số lượng DN FDI báo lỗ hàng năm là từ 44% đến 52% (đặc biệt năm 2017 lên cao nhất là 52% trên số lượng DN có báo cáo). Đồng thời, tốc độ tăng của quy mô đầu tư và hoạt động của các DN báo lỗ và DN lỗ lũy kế cao hơn tốc độ tăng về số lượng DN báo lỗ và DN lỗ lũy kế cho thấy tình trạng chuyển giá của khu vực DN FDI ngày càng gia tăng, phức tạp.

Trong đó, cách thức chuyển giá điển hình mà các DN FDI thường áp dụng là thông qua kê khai cao giá hàng hóa, nguyên vật liệu và cung ứng các dịch vụ hành chính, kỹ thuật, pháp lý trong nội bộ tập đoàn (trường hợp của Adidas, Coca – Cola Vietnam, Pepsi Vietnam...), hoặc chuyển giá thông qua các khoản vay từ công ty mẹ, công ty liên kết với chi phí lãi vay luôn vượt quá định mức thông thường để có thể chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (trường hợp của Công ty Trà Đài Loan, Công ty trà Kinh Lộ, Keangnam Vina...). Dưới đây là một số trường hợp điển hình được ghi nhận:

- Adidas AG là Công ty đa quốc gia được thành lập vào năm 1948 tại Đức, hoạt động trong lĩnh vực thiết kế và sản xuất dụng cụ thể thao. Các sản phẩm của Adidas đến Việt Nam từ năm 1993 và đến năm 2009, Adidas thành lập thêm một công ty con ở Việt Nam. Từ cuối năm 2012, Adidas Việt Nam hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh là quyền phân phối bán buôn, nhưng danh mục chi phí của DN này lại xuất hiện nhiều chi phí của một DN bán lẻ như: chi phí hỗ trợ vật dụng cho nhà bán lẻ, tiền tiếp thị quốc tế, phí quản lý vùng, tiền hoa hồng mua hàng và đặc biệt, Adidas Việt Nam không phải là nhà sản xuất, nhưng phát sinh khoản tiền bản quyền. Thực tế, Adidas Việt Nam thanh toán cho Công ty Adidas AG phí bản quyền 6%, chi phí tiếp thị quốc tế 4% doanh thu ròng đối với các sản phẩm được tiêu thụ và cả giá trị sản phẩm được cấp phép. Ngoài ra, Adidas Việt Nam cũng phải trả chi phí hoa hồng mua hàng cho Adidas International Trading B.V, với tỷ lệ 8,25% giá trị mỗi giao dịch.

Bên cạnh đó, theo hợp đồng dịch vụ Đông Nam Á giữa Adidas Singapore và Adidas Việt Nam, Adidas Singapore và các công ty con địa phương, trong đó có Adidas Việt Nam cung cấp một dịch vụ và thỏa thuận việc thu các khoản phí liên quan. Với việc phát sinh quá nhiều chi phí trung gian đầu vào đã khiến cho giá thành nhập khẩu các sản phẩm Adidas tại thị trường Việt Nam bị đội giá lớn, làm cho Adidas Việt Nam luôn rơi vào tình trạng thua lỗ và không phải nộp thu nhập DN (TNDN).

- Công ty TNHH một thành viên Keangnam – Vina là DN 100% vốn của một công ty đa quốc gia của Hàn Quốc, được thành lập từ năm 2007, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản và kinh doanh dịch vụ khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại và căn hộ cho thuê tại Hà Nội. Từ năm 2007 - 2011, DN liên tục báo lỗ hàng chục tỷ đồng mỗi năm. Năm 2011, Công ty bắt đầu có doanh thu từ dự án Landmark Tower, đạt trên 5.200 tỷ đồng, nhưng lỗ hơn 140 tỷ đồng. Qua kết quả điều tra của cơ quan thuế cho thấy, tháng 5/2007, Công ty Keangnam - Vina ký hợp đồng vay vốn từ Ngân hàng Kookmin Bank, một đơn vị thành viên trong Tập đoàn Keangnam Hàn Quốc. Cho đến nay, Công ty này đã vay tổng cộng 400 triệu USD từ ngân hàng này và tổng số lãi vay và chi phí tài chính của việc vay đã lên tới trên 2.000 tỷ đồng.

Đóng góp của FDI vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ngày càng cao trong cấu trúc tăng trưởng theo thành phần kinh tế, từ mức 15,3% năm 2011 lên tới 18,5% năm 2017. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, khu vực FDI chưa tạo được sức lan tỏa, mức độ động viên vào ngân sách nhà nước thấp.

Công ty Keangnam - Vina đã trả lãi suất trung bình khoảng 12%/năm cho khoản vay từ Kookmin Bank. Trong khi đó, lãi suất vay vốn bằng USD tại Việt Nam trong thời gian gần đây chỉ từ 5-7% mỗi năm. Tháng 10/2007, Công ty Keangnam - Vina đã ký hợp đồng chìa khóa trao tay với Công ty Keangnam Enterprise – cũng là một thành viên của Tập đoàn Keangnam Hàn Quốc để làm tổng thầu EPC. Tổng giá trị hợp đồng lên tới 871 triệu USD. Công ty Keangnam Enterprise không chỉ đảm nhiệm việc khảo sát, thiết kế dự án, cung cấp thiết bị máy móc, thi công xây dựng mà còn cung cấp cả dịch vụ tư vấn tài chính, dàn xếp vốn vay cho Keangnam Vina. Năm 2008, khoản phí tư vấn tài chính đã được chủ đầu tư Keangnam Vina chi trả cho Keangnam Enterprise Hàn Quốc lên tới 30 triệu USD. Phí dịch vụ sắp xếp nguồn vay lên tới 20 triệu USD và các chi phí khác. Do những khoản chi phí đó, Keangnam Vina liên tục báo lỗ và do vậy không nộp thuế TNDN. Khoản lỗ này chuyển thành khoản lãi của Keangnam Enterprise ở Hàn Quốc. Trong khi đó, Keangnam Enterprise chỉ phải nộp thuế nhà thầu cho Việt Nam với mức thuế suất thấp hơn nhiều so với thuế TNDN Việt Nam.

- Công ty 3A Nutrition khi mới thành lập vào năm 2010, dù không phải nộp thuế vì chưa có doanh thu, nhưng sang năm 2011, doanh thu của 3A Nutrition



đạt 1.200 tỷ đồng mà chỉ nộp thuế TNDN hơn 2 tỷ đồng. Nguyên nhân, DN này khai tỷ suất lợi nhuận chỉ có 1,3% nên tỷ suất nộp thuế trên thu nhập chỉ 0,2%. Năm 2012 - 2013, doanh số tăng lên gần 7.000 tỷ đồng/năm, với tỷ suất lợi nhuận chỉ 3,8% thì số thuế TNDN phải nộp cũng chỉ có 46 - 48 tỷ đồng (với tỷ suất thuế trên doanh thu chỉ hơn 0,6%).

Kể từ năm 2014 đến nay, Công ty 3A Nutrition liên tục báo cáo thuế lỗ nên không phải nộp thuế TNDN, dù doanh số liên tục tăng, có năm đạt gần 10.000 tỷ đồng. Tính ra từ khi thành lập tại Việt Nam đến nay, 3A Nutrition chỉ có 3 năm có lãi với tỷ suất lợi nhuận cao nhất cũng chỉ 3,8%, sau đó DN chuyển sang khai lỗ và số lỗ có tỷ suất âm đến gần 5%. Trong khi lượng hàng hóa nhập khẩu vẫn không giảm, thị trường được mở rộng, hiện 3A Nutrition đã “mở rộng” hệ thống phân phối thông qua việc thành lập nhiều chi nhánh ở các tỉnh, thành như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Đồng Nai... nhưng vẫn thông báo lỗ.

- Công ty Chế biến trà Ô Long Jun Chow của Đài Loan đầu tư vào Việt Nam năm 2006 với số vốn chỉ 6,344 tỷ đồng. Sau 4 năm hoạt động, tổng số lỗ lũy kế của công ty lên đến 23,903 tỷ đồng, tức gấp 3,7 lần vốn đầu tư. Công ty Trà Đài Loan có số vốn đầu tư đăng ký là 10,427 tỷ đồng nhưng đến năm 2009, số lỗ lũy kế đã lên đến 17,7 tỷ đồng. Công ty Trà Kinh Lộ có vốn ban đầu 26,9 tỷ đồng, sau 4 năm hoạt động, lỗ lũy kế đã lên đến hơn 56,8 tỷ đồng. Để bù vốn do bị thua lỗ, công ty Trà Đài Loan được vay từ công ty mẹ lên đến 28 tỷ đồng bù cho khoản lỗ 17 tỷ đồng; Công ty Trà Kinh Lộ được vay hơn 27 tỷ đồng bù cho khoản lỗ hơn 26 tỷ đồng; Các khoản vay vốn này sẽ phải trả lãi suất rất cao và do vậy lại tránh được các khoản thuế thu nhập mới. Đây là một trong những tình huống điển hình về chuyển giá thông qua chi phí lãi vay cao.

Bên cạnh hiện tượng chuyển giá nêu trên, còn xuất hiện hiện tượng chuyển giá, chuyển lợi nhuận ngược (từ nước ngoài vào Việt Nam) của một bộ phận DN FDI trong nước được hưởng ưu đãi lớn về thuế suất thuế TNDN và thời gian miễn, giảm thuế TNDN. Số liệu về tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân của DN FDI trong một số ngành qua các năm luôn duy trì ở mức rất cao, như "Linh kiện điện tử, máy vi tính, thiết bị ngoại vi", "Sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy và xe có động cơ khác" (ROE trước thuế trên 30%).

Ngoài ra, còn có hiện tượng chuyển giá giữa các DN FDI trong nước có quan hệ liên kết và được hưởng các mức ưu đãi thuế TNDN khác nhau. Ví dụ như: Dự án Công ty TNHH Samsung Electronics

Việt Nam tại Bắc Ninh và Thái Nguyên có hiệu quả hoạt động rất cao (ROE năm 2015 lần lượt là 30,1% và 61,4%, năm 2016 là 26% và 49%), trong khi các dự án sản xuất phụ trợ đi cùng lại có hiệu quả kinh tế thấp.

Một số nguyên nhân

Thực tế cho thấy, chuyển giá là hiện tượng phổ biến trong nền kinh tế thị trường, chuyển giá về bản chất không phải là một hoạt động bất hợp pháp. “Chỉ có gian lận về giá hay lạm dụng chuyển giá nhằm mục đích trốn thuế mới là bất hợp pháp” (theo Wayne Barford, ITIC). Nguyên nhân của hoạt động chuyển giá ngày càng gia tăng ở Việt Nam hiện nay được nhìn nhận từ vai trò quản lý của Nhà nước và khung pháp lý về hoạt động chuyển giá, cụ thể:

Thứ nhất, thời gian qua, mặc dù Việt Nam đã rất nỗ lực xây dựng và ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thiết lập và dần hoàn thiện khung khổ pháp lý cho hoạt động chống chuyển giá, tạo những cơ sở pháp lý nhất định cho hoạt động của ngành Thuế trong đấu tranh chống chuyển giá. Tuy nhiên, hành lang pháp lý về chống chuyển giá ở Việt Nam vẫn thiếu đồng bộ, hiệu lực thấp. Mức ưu đãi cao, diện ưu đãi rộng và dàn trải, từ ưu đãi ngành nghề, ưu đãi theo vùng, trong đó chủ yếu là ưu đãi về tài chính dưới dạng miễn giảm thuế, ưu đãi về tài chính đất đai.

Thứ hai, sự cạnh tranh ngầm giữa các địa phương thông qua ban hành nhiều chính sách, cơ chế ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài dẫn đến các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có thể lựa chọn địa bàn có chính sách ưu đãi tốt nhất để đầu tư (Đậu Anh Tuấn, VCCI).

Thứ ba, cơ chế kiểm soát, giám sát hoạt động đầu tư của các DN FDI còn nhiều tồn tại, đặc biệt kiểm soát đối với các DN FDI thường xuyên lỗ, lỗ mất vốn nhưng vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng để được hưởng ưu đãi thuế. Ngành Thuế chưa có chức năng điều tra DN. Mặt khác, các bộ, ngành chưa có phương pháp phối hợp, điều tra và xử lý hiệu quả trong khi các DN FDI chuyển giá ngày càng tinh vi, khó phát hiện và không dễ xử lý.

Thứ tư, cơ sở dữ liệu đồng bộ, cơ sở dữ liệu liên thông giữa các ngành về FDI để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các DN FDI còn thiếu và chưa đồng bộ. Điều đó gây khó khăn cho cơ quan Thuế trong việc phát hiện các hành vi chuyển giá của các DN hiện nay.

Giải pháp chống chuyển giá của các công ty xuyên quốc gia tại Việt Nam

Nhằm hoàn thiện công tác chống chuyển giá của



các công ty xuyên quốc gia tại Việt Nam, tác giả kiến nghị một số giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chống chuyển giá một cách căn cơ. Theo đó, trước mắt cần sửa đổi một số quy định tại Nghị định số 20/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý thuế với DN có giao dịch liên kết theo hướng tăng thẩm quyền cho cơ quan thuế (có quyền ấn định thuế khi chứng minh được hồ sơ của DN công bố là sai), phối hợp giữa các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra như Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ trong việc phát hiện các hành vi gian lận, trốn thuế của các công ty. Về lâu dài, cần luật hóa các quy định về chống chuyển giá thông qua xây dựng bộ Luật về chống chuyển giá (Tháng 10/2017, Singapore đã ban hành Luật Chuyển giá mở rộng theo Đạo luật Thuế Thu nhập Singapore; Tháng 2/2018, Quy tắc Thuế thu nhập 2018 được ban hành, có hiệu lực từ 2019 cùng với Phiên bản thứ năm của hướng dẫn chuyển giá (TPG5)). Bên cạnh đó, cần tiến hành cải cách thuế hướng đến phù hợp với các hướng dẫn của OECD về chuyển giá (Hàn Quốc trong tiến trình cải cách thuế 2017 đã đưa các điều 2,4 và 13 của Kế hoạch hành động BEPS của OECD, trong đó đã đưa ra 02 quy định mới liên quan đến chi phí lãi vay và có hiệu lực từ 01/01/2019). Cải cách ưu đãi thuế trên cơ sở thu hẹp diện ưu đãi theo ngành, lĩnh vực, tập trung khuyến khích ưu đãi thuế vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, công nghệ, môi trường, liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chính sách ưu đãi phải dựa trên hiệu quả hoạt động của DN.

Hai là, xây dựng chế tài trong chuyển giá theo hướng tăng mức phạt và hình thức phạt so với quy định hiện tại để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Hàn Quốc đã quy định tăng hình phạt cho việc không tuân thủ các quy định liên quan đến báo cáo giao dịch quốc tế hợp nhất (CRIT) và các quy định đặc biệt về áp dụng thuế phạt. Theo đó, áp dụng phạt hành chính nếu bất kỳ phần nào của CRIT không được gửi hoặc chỉ được gửi một phần và/hoặc được mô tả sai, mỗi báo cáo sẽ phải chịu 10 triệu KRW phạt. Hình phạt hiện đã được tăng lên 30 triệu won cho mỗi báo cáo.

Ba là, cần có cơ chế khuyến khích các DN có giao dịch liên kết áp dụng phương pháp APA (cơ chế thỏa thuận trước về xác định giá) thay vì việc để các DN tự nguyện đăng ký. Biện pháp này đang được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước (Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan, Malaysia...). Việt Nam đã có quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế, tuy nhiên việc áp dụng APA trên nguyên tắc tự nguyện, nên cơ quan thuế không thể ép DN phải thực hiện.

Bốn là, xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia về đầu tư đồng bộ, thông suốt về

DN FDI để các cơ quan trung ương, địa phương có thể truy cập và kết xuất được tất cả các thông tin liên quan đến DN FDI để phục vụ công tác tổng hợp; từ đó, giúp công tác đánh giá, giám sát được hiệu quả, kịp thời. Trong đó, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát. Trung Quốc hiện đang thực hiện các bước quan trọng để khai thác công nghệ và ứng dụng vào trong quản trị công. Theo đó, cơ quan thuế Trung Quốc đã tăng cường sử dụng các phân tích dữ liệu lớn để đánh giá rủi ro về thuế và để xác định mục tiêu kiểm toán. Các nguồn dữ liệu liên quan đến người nộp thuế đều được công khai và có sẵn: Từ các biểu mẫu công khai chuyển giá, tài liệu, thu thập thông tin kiểm toán, dữ liệu từ các cơ quan chính phủ. Trung Quốc đang đầu tư đáng kể vào công nghệ, bao gồm hệ thống công nghệ thông tin dung lượng cao, ứng dụng phần mềm tiên tiến và khả năng lưu trữ dữ liệu để xây dựng một hệ thống kiểm soát hiệu quả, tích hợp tất cả các ngành, loại thuế và người nộp thuế trên một nền tảng công nghệ duy nhất. Theo đó, điều tra, thanh tra thực địa sẽ được giảm tải nhưng hiệu quả lại lớn hơn so với trước đây.

Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực giám sát tình hình tài chính và hoạt động sản xuất - kinh doanh của các DN FDI của các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, công khai minh bạch thông tin về hoạt động và tình hình tài chính của các DN FDI, để sớm phát hiện và phòng ngừa các nguy cơ gây bất ổn kinh tế - xã hội.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài chính (2019), Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động của DN có vốn đầu tư nước ngoài và chính sách ưu đãi đầu tư hiện nay;
2. Vũ Văn Thực (2016), Chống chuyển giá tại doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam, Tạp chí Đại học Cửu Long, số 4/2016, ISSN 2354-1423;
3. Phương Anh (2018), Đấu tranh chống gian lận, chuyển giá, Báo Nhân Dân điện tử, link [<http://www.nhandan.org.vn/kinhte/item/38284402-dau-tranh-chong-gian-lan-chuyen-gia.html>];
4. Dương Thị Vân Anh (2018), Thực trạng chuyển giá và giải pháp chống chuyển giá đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, tháng 4/2018;
5. Ngân Giang (2018), Những vụ chuyển giá kinh điển ở Việt Nam, Báo điện tử Infonet, link [<https://infonet.vn/nhung-phi-vu-chuyen-gia-kinh-dien-o-viet-nam-post268869.info>];
6. Nguyễn Thị Thu Hoài (2015), Chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Tài chính, Kỳ 2 số tháng 12/2015;
7. KPMG (2018), Asia Transfer Pricing 10th edition, Tax reference library No. 121.

Thông tin tác giả:

TS. Phạm Thị Tường Vân

Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính

Email: phamthituongvan@mof.gov.vn